

Bản án số: 02/2020/HS-ST
Ngày 26/02/2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĂN BẢN, TỈNH LÀO CAI.**

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Triệu Vĩnh Thái.

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Đàm Sông Hương.

2. Bà La Thị Thanh Thảo.

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký toà án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Văn Bàn, tỉnh Lào Cai. Mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 03/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HS ngày 12/02/2020 đối với bị cáo:

Lưu Công G, sinh ngày 04/4/1990.

Nơi sinh: Huyện B, tỉnh L.

Nơi ĐKNKTT: Thôn A, xã S, huyện B, tỉnh L.

Nghề nghiệp: Công nhân; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12.

Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam.

Con ông: Lưu Quang L, sinh năm 1964; con bà: Phạm Thị T, sinh năm 1964.

Vợ: Vàng Thị V, sinh năm 1994. Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2015, nhỏ nhất sinh năm 2018. Hiện đều trú tại xã S, huyện B, tỉnh L.

Tiền án: Không; Tiền sự: Không;

Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” từ ngày 16/12/2019 đến nay - Có mặt.

Các bị hại: 1 - Chị Lương Thị M, sinh năm 1990 - Vắng mặt.

2 - Anh Phạm Đức L, sinh năm 1989 - Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền cho anh Phạm Đức L: Chị Lương Thị M, sinh năm 1990 - Vắng mặt. Nơi ĐKNKTT của bị hại, đại diện bị hại: Thôn T, xã N, huyện V, tỉnh L.

Nơi cư trú của bị hại, đại diện bị hại: Thôn H, xã N, huyện V, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 23 giờ 30 ngày 26/11/2019, Lưu Công G đi từ công trường thủy điện S, xã H, huyện V theo đường tỉnh lộ 151B để về nhà. Khi đến thôn H, xã N thấy nhà anh Phạm L vẫn bật bóng điện thấp sáng ở phía sau nên

đã đi vòng ra phía sau theo lối cửa ngách (chưa có cánh cửa) và đi vào phòng ngủ đầu tiên lấy trộm 01 điện thoại di động Xiao mi redmi Note 7, vỏ màu đỏ để trên thềm cửa sổ phía bên tay phải. Tiếp đó G đi vào phòng ngủ bên cạnh lấy trộm 01 túi xách bằng vải màu đỏ để trên mặt kết sắt kê ở góc phòng sát giường ngủ rồi theo lối cũ đi ra ngoài, mở túi xách ra lấy toàn bộ số tiền mặt và thẻ nạp điện thoại, rồi vứt túi xách lại sau nhà. Sau khi lấy được tài sản, G quay lại công trường thủy điện S, lấy số tài sản trộm cắp được ra kiểm đếm được tổng số tiền là 3.400.000đ, gồm các loại tiền có mệnh giá từ 2.000đ đến 200.000đ; 20 thẻ nạp Viettel mệnh giá 100.000đ, 38 thẻ nạp Viettel mệnh giá 50.000đ, 100 thẻ nạp Viettel mệnh giá 20.000đ, 20 thẻ VinaPhone mệnh giá 50.000đ, 31 thẻ VinaPhone mệnh giá 20.000đ, tổng trị giá 7.520.000đ. Số tài sản trộm cắp được G đã chi tiêu cá nhân hết 690.000đ và đã sử dụng 20 thẻ nạp Viettel loại mệnh giá 100.000đ, 100 thẻ nạp Viettel loại mệnh giá 20.000đ để chơi game. Đến chiều ngày 29/11/2019, G đến cơ quan điều tra Công an huyện Văn Bàn đầu thú về hành vi phạm tội của mình, giao nộp số tiền 2.710.000đ; 01 điện thoại di động Xiao mi redmi Note7, vỏ màu đỏ; 38 thẻ nạp Viettel mệnh giá 50.000đ; 31 thẻ nạp Vinaphone mệnh giá 20.000đ và 20 thẻ nạp VinaPhone mệnh giá 50.000đ, tổng trị giá 3.520.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 25 ngày 30/12/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Văn Bàn, kết luận: 01 điện thoại Xiaomi redmi note 7, màu đỏ bản 64GB, trị giá là 3.780.000đ; 01 túi xách bằng vải, màu đỏ, kích thước 28x21cm, có dây đeo, trị giá là 141.550đ.

Tại bản cáo trạng số: 03/CT-VKS-VB ngày 20/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân Văn Bàn quyết định truy tố ra trước Toà án nhân dân huyện Văn Bàn để xét xử bị cáo Lưu Công G về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn đề nghị hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Lưu Công G phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Đề nghị Hội đồng xét xử: * Về trách nhiệm hình sự: Hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự:

Xử phạt bị cáo Lưu Công G từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B giám sát, giáo dục; Hình phạt bổ sung: Không.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo bồi thường thiệt hại cho gia đình bị hại 7.000.000đ, bị hại không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đề cập giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo đã khai nhận lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu tối ngày 26/11/2019 Lưu Công G đã trộm cắp 01 điện thoại di động Xiao mi redmi Note 7; 01 túi xách bằng vải màu đỏ bên trong có: 3.400.000đ, 20 thẻ nạp Viettel mệnh giá 100.000đ, 38 thẻ nạp Viettel mệnh giá 50.000đ, 100 thẻ nạp Viettel mệnh giá 20.000đ, 20 thẻ VinaPhone mệnh giá

50.000đ, 31 thẻ VinaPhone mệnh giá 20.000đ của vợ chồng ông Phạm L và bà Lương Thị M. Tổng trị giá tài sản trộm cắp là 14.841.550.

Như vậy lời nhận tội của bị cáo phù hợp với lời khai các bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định ngày 26/11/2019, Lưu Công G đã trộm cắp tài sản của người khác có tổng trị giá là 14.841.550đ (mười bốn triệu tám trăm bốn mươi một nghìn năm trăm lăm mươi đồng.) Do vậy Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận Lưu Công G phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội.

[2] Hội đồng xét xử đánh giá tính chất mức độ hành vi phạm tội và nhân thân của các bị cáo như sau: Hành vi của bị cáo đã gây mất trật tự trị an tại địa phương, xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của cá nhân được pháp luật bảo vệ. Là người khỏe mạnh đã có gia đình nhưng bị cáo không chịu tu dưỡng rèn luyện bản thân, lười lao động nên có hành vi xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác để có tiền tiêu sài. Vì vậy cần phải xử lý bị cáo với một mức án tương xứng với hành vi phạm tội để cải tạo giáo dục các bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

[3] Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; sau khi có hành vi vi phạm pháp luật đã ra đầu thú; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Bị cáo nghề nghiệp công nhân nhưng chưa có nhà phải sống cùng bố mẹ, gia đình bố mẹ thuộc diện hộ cận nghèo của xã, bị cáo không có tài sản riêng gì. Đây là các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt tù cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có nơi cư trú rõ ràng, ngoài lần vi phạm này bị cáo luôn chấp hành nghiêm các chủ trương chính sách pháp luật của nhà nước, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công dân nên không cần thiết phải cách li khỏi xã hội cũng đủ cải tạo giáo dục bị cáo thành công dân có ích cho xã hội và phòng ngừa chung.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Văn Bàn không đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn” theo điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự và đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng tù đến 12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo là chưa đánh giá đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo vì tài sản bị cáo trộm cắp có trị giá 14.841.550đ. Nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo và xử dưới mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự:

Tài sản bị cáo trộm cắp trị giá 14.841.550đ, sau khi ra đầu thú bị cáo giao nộp số tiền 2.710.000đ; 01 điện thoại di động Xiao mi redmi Note7; 38 thẻ nạp Viettel mệnh giá 50.000đ; 31 thẻ nạp Vinaphone mệnh giá 20.000đ và 20 thẻ nạp VinaPhone mệnh giá 50.000đ cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu nên không đề cập giải quyết. Bị cáo đã sử dụng 20 thẻ nạp Viettel mệnh giá 100.000đ, 100 thẻ nạp Viettel mệnh giá 200.000đ và 690.000đ. Ngày 28/12/2019 bị cáo đã tự nguyện

bồi thường cho gia đình bị hại 7.000.000đ. Gia đình bị hại ông Phạm L và bà Lương Thị M không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không đề cập giải quyết.

[5] Về án phí: Buộc các bị cáo phải chịu án phí vụ án theo quy định pháp luật.

[6] Về hành vi, quyết định tố tụng của điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố bị cáo Lưu Công G phạm tội “Trộm cắp tài sản”, xử phạt bị cáo Lưu Công G 08 (tám) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 16 (mười sáu) tháng kể từ ngày tuyên án. Giao bị cáo Lưu Công G cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh L giám sát, giáo dục.

Trong thời gian thử thách, trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo Lưu Công G phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các điều 6, điều 7, điều 7a, 7b và điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND Tỉnh LC(01);
- VKSND tỉnh LC(01);
- VKSND huyện(01)
- Công an huyện(02);
- Bị cáo(01);
- Bị hại(02);
- THAHS, THADS;
- Lưu HS, văn phòng.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Triệu Vĩnh Thái